TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 80/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 15-9-2023
V/v: *"Xin ly hôn''*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE - TỈNH BẾN TRE

Với Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đoan Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bé Em

Ông Trần Văn Hưng

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn quốc Vương – Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố BT, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ấm-Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 298/2023/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2023 về việc "*Xin ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2023/QĐXX-ST ngày 18 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 165/2023/QĐST-HNGĐ ngày 06/9/2023 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Ông Huỳnh Nguyễn T, sinh năm 1984 (có mặt);

Địa chỉ: Số 106D1, đường ĐHM, Khu phố BL, Phường S, thành phố BT, tỉnh Bến Tre;

* *Bị đơn*: Bà Tăng Linh P, sinh năm 1992 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 6D1 Khu phố B, Phường N, thành phố BT, tỉnh Bến Tre;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, nguyên đơn ông Huỳnh Nguyễn T trình bày:

Ông và bà Tăng Linh P kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 6, thành phố BT, tỉnh Bến Tre vào ngày 26/5/2020. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu hạnh phúc nhưng sau khi sinh con được 01 tuần thì vợ chồng mâu thuẫn, bà P bỏ nhà đi đâu không rõ cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cách sống, tính tình cả hai trái ngược nhau, vợ chồng thường xuyên cải vả nhau, cuộc sống gia đình không hạnh phúc. Vợ chồng đã ly thân nhau từ tháng 02/2020 cho đến nay. Nay ông yêu cầu xin được ly hôn với bà P.

Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Huỳnh Huy H, sinh ngày 23/01/2020. Sau khi khi hôn, ông yêu cầu được tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng con chung. Ông T không yêu cầu bà P cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung: không có;

Theo bản tự khai, biên bản hòa giải bị đơn bà Tăng Linh P trình bày:

Bà thống nhất với lời trình bày của ông T về thời điểm, điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn cũng như nguyên nhân mâu thuẫn. Vợ chồng bà đã ly thân với nhau, tình cảm vợ chồng không còn nhưng hiện nay bà không muốn ly hôn với ông T, bà yêu cầu xem xét để qua tết mới giải quyết việc ly hôn giữa bà với ông T. Tuy nhiên, nếu như ông T đồng ý giao con cho bà nuôi dưỡng thì bà đồng ý ly hôn.

Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Huỳnh Huy H, sinh ngày 23/01/2020. Sau khi khi hôn, bà yêu cầu được nuôi con chung.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung: không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân thành phố BT, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa cũng như việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng theo đúng quy định pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án thấy rằng: Bà P và ông T kết hôn và đăng ký kết hôn với nhau hợp pháp. Mâu thuẫn giữa ông T và bà P đã xảy ra, vợ chồng đã ly thân với nhau từ năm 2020 cho đến nay nên đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông T. Sau khi ly hôn, đề nghị ông T được tiếp tục nuôi con chung, ghi nhận ông T không yêu cầu bà P cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung, ông T, bà P khai không có nên đề nghị không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét đây là vụ án xin ly hôn, bị đơn hiện cư trú tại Phường 5, thành phố BT nên căn cứ Điều 28 và Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố BT, tỉnh Bến Tre là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[2] Tòa án cũng đã triệu tập hợp lệ cho bà P nhiều lần đến tham dự hòa giải; Triệu tập bà P 02 lần đến phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng bà P vẫn không đến, không có lý do. Do đó, căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà P là đúng quy định pháp luật.

[3] Bà Tăng Linh P và ông Huỳnh Nguyễn T kết hôn và có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân Phường 6, thành phố BT, tỉnh Bến Tre vào ngày 26/5/2020 nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc nhưng đến tháng 02/2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình trái ngược nhau nên thường xuyên cự cải nhau, cuộc sống gia đình không hạnh phúc. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 02/2020 cho đến nay. Hiện tại, ông xác định mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, hôn nhân không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu xin được ly hôn với bà P.

[4] Xét thấy mâu thuẫn giữa bà P và ông T thực tế đã xảy ra, vợ chồng đã ly thân với nhau từ tháng 02/2020 cho đến nay. Tòa án đã triệu tập bà P nhiều lần đến Tòa án để hòa giải nhưng bà P chỉ đến 01 lần, không đồng ý ly hôn, sau đó Tòa án mời hòa giải tiếp nhưng bà P tiếp tục vắng mặt không có lý do. Khi Tòa án xét xử, Tòa án mời bà P 02 lần nhưng bà P cũng không đến tham dự phiên tòa, điều này cho thấy bà P có thái độ bỏ mặc, không quan tâm đến mối quan hệ hôn nhân của vợ chông bà nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông T.

[5] Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Huỳnh Huy H, sinh ngày 23/01/2020. Sau khi khi hôn, ông T có yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu bà P cấp dưỡng nuôi con chung. Bà P cũng yêu cầu được nuôi con chung nếu Tòa án cho ly

hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy, ông T là người trực tiếp nuôi con chung từ khi vợ chồng ly thân vào tháng 02/2020 cho đến nay. Ngoài ra, xét biên bản ngày 25/5/2023 bà P bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố BT bắt người phạm tội quả tang, bà P khai bà bắt đầu sử dụng ma túy đá từ năm 2019. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông T được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con chung sau khi ly hôn. Ghi nhận ông T không yêu cầu bà P cấp dưỡng nuôi con chung. Bà P được quyền đến thăm, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản chung: Bà P, ông T khai tài sản chung không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về nợ chung: Bà P, ông T khai không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Lời phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

[9] *Về án phí*: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000(Ba trăm nghìn) đồng bà Tăng Linh P phải nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ các Điều 28, 35, 147 và Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- *Về hôn nhân*: Ông Huỳnh Nguyễn T được ly hôn Bà Tăng Linh P.

- *Về con chung*: Bà Tăng Linh P và ông Huỳnh Nguyễn T có 01 con chung tên Huỳnh Huy H, sinh ngày 23/01/2020. Sau khi khi hôn, ông Huỳnh Nguyễn T được tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng con chung. Ghi nhận ông Huỳnh Nguyễn T không yêu cầu bà Tăng Linh P cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Tăng Linh P được được quyền đến thăm, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Bà Tăng Linh P và ông Huỳnh Nguyễn T khai tài sản chung không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- *Về nợ chung*: Bà Tăng Linh P và ông Huỳnh Nguyễn T khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- *Về án phí*: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000(Ba trăm nghìn) đồng, ông Huỳnh Nguyễn T phải nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007123 ngày 28/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Trong thời hạn 15(mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm nguyên đơn được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm được quyền kháng cáo trong thời hạn 15(mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND TP BT;
- Chi cục THADS TP BT;
- UBND phường S, TP BT;
- Các đương sự;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Thị Đoan Trang

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Hổ **Huỳnh Thị Hồng Vân** **Nguyễn Thị Đoan Trang**